TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16/5/2024
V/v tranh chấp: *"Chia tài sản sau ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Hoa
2. Ông Trần Minh Lực

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2024/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2024, về tranh chấp:*"Chia tài sản sau ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02/5/2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn Tài E, sinh năm 1991
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.
- *Bị đơn:* Chị Bùi Tuyết T, sinh năm 2000
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện theo ủy quyền: Anh Bùi Tấn X, sinh năm: 1994
Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang.
(Anh Tài E xin vắng mặt, anh X có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn anh Trần Văn Tài E trình bày:*

Anh Trần Văn Tài E và chị Bùi Tuyết T kết hôn vào ngày 21/12/2018, tại Ủy ban nhân dân xã T. Đến ngày 15/12/2023, anh Tài E và chị T ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 183/2023/QĐST-DS, của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông. Trong nội dung

quyết định, anh Tài E và chị T thỏa thuận thống nhất về việc ly hôn. Con chung không có. Đối với tài sản chung của vợ chồng, anh Tài E và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn khởi kiện ngày 19/02/2024, anh Tài E trình bày: Trong ngày cưới, cha mẹ anh Tài E có cho số vàng như sau: 01 dây chuyền loại vàng 24k, trọng lượng 2,5 chỉ; 01 đôi bông loại vàng 24 k, trọng lượng 01 chỉ; 01 nhẫn loại vàng 24k, trọng lượng 0,5 chỉ; 01 nhẫn loại vàng 18k, trọng lượng 0,5 chỉ. Sau khi ly hôn, chị T quản lý toàn bộ số vàng trên. Do là vàng của cha mẹ anh Tài E cho nên anh Tài E yêu cầu chị T trả lại toàn bộ số vàng trên.

Tại biên bản hòa giải ngày 05/4/2024, anh Tài E thay đổi ý kiến, xác định số vàng đang tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng. Sau ly hôn, anh tài E và chị T chưa phân chia tài sản chung nên anh Tài E yêu cầu chia cho anh Tài E ½ số nữ trang trên. Chị T đang quản lý tài sản chung nên yêu cầu chị T trả lại bằng giá trị, khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại bản tự khai ngày 21/3/2024, anh Bùi Tấn X là đại diện theo ủy quyền của chị Bùi Tuyết T trình bày:*

Anh Trần Văn Tài E và chị Bùi Tuyết T có đăng ký kết hôn và có tổ chức lễ cưới. Số vàng anh Tài E yêu cầu chia là nữ trang được cho trong lễ cưới. Chị T thống nhất tài sản chung của chị T và anh Tài E là số lượng vàng, trọng lượng vàng và loại vàng như anh Tài E trình bày. Sau ly hôn, chị T là người quản lý số vàng trên. Chị T đồng ý chia cho anh Tài E ½ số nữ trang bằng tiền.

Tại phiên tòa, anh X thay đổi ý kiến và cho rằng số vàng đang tranh chấp là nữ trang chị T được cho trong ngày cưới nên là tài sản riêng của chị T. Do không phải là tài sản chung của vợ chồng nên chị T không đồng ý chia ½ số vàng cho anh Tài E.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, phạm vi khởi kiện

Anh Trần Văn Tài E khởi kiện chị Bùi Tuyết T, yêu cầu chia tài sản của vợ chồng sau ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Tân Phú Đông theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 05/4/2024, anh Trần Văn Tài E gửi đơn xin vắng mặt trong thời gian giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vụ án vắng mặt anh Tài E.

[2] Về nội dung khởi kiện

[2.1] Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải anh Tài E và đại diện theo ủy quyền của chị T trình bày thống nhất nhau về việc anh Tài E và chị T

ly hôn vào ngày 15/12/2023 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 183/2023/QĐST-DS, của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông. Khi thuận tình ly hôn, anh Tài E và chị T không yêu cầu giải quyết tài sản chung. Sau ly hôn, chị T là người quản lý tài sản chung. Đến nay, tài sản chung của anh Tài E và chị T chưa được phân chia. Do đó, anh Tài E khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Anh Tài E và chị T thống nhất số lượng vàng, trọng lượng vàng và loại vàng đang tranh chấp gồm có: 01 dây chuyền loại vàng 24k, trọng lượng 2,5 chỉ, 01 đôi bông loại vàng 24 k, trọng lượng 01 chỉ, 01 nhẫn loại vàng 24k, trọng lượng 0,5 chỉ, 01 nhẫn loại vàng 18k, trọng lượng 0,5 chỉ. Như vậy, tổng cộng vàng loại 24k là 04 chỉ, vàng loại 18k là 0.5 chỉ. Tại thời điểm xét xử (ngày 16/5/2024), theo giá thị trường, vàng loại 24k có giá mua là 7.370.000 đồng/ chỉ. Vàng loại 18k có giá mua là 5.175.000 đồng/ chỉ. Số vàng tranh chấp gồm 04 chỉ 24k thành tiền là 29.480.000 đồng, 0,5 chỉ vàng 18k thành tiền là 2.587.500 đồng. Tổng giá trị tài sản tranh chấp là 32.067.500 đồng.

[2.3] Anh Tài E yêu cầu chia cho anh Tài E và chị T mỗi người ½ tài sản chung. Tại phiên tòa, anh X cho rằng số vàng đang tranh chấp không phải là tài sản chung nên chị T không đồng ý chia ½ cho anh Tài E. Xét thấy, tại bản tự khai ngày 21/3/2024, anh X đã trình bày: Khi ly hôn, anh Tài E và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung. Sau ly hôn, chị T quản lý toàn bộ số vàng và thống nhất toàn bộ số vàng tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng và chị T đồng ý chia cho anh Tài E 50% bằng giá trị. Mặt khác, số vàng đang tranh chấp được tặng cho trong lễ cưới là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân của anh Tài E và chị T.

Tại khoản 1 Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "1. *Tài sản chung của vợ chồng là tài sản ... được tặng cho chung…".* Tại khoản 3 Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"3. Trong trường hợp không có căn cứ để chứng minh tài sản mà vợ, chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung".*

Tại phiên tòa, anh X cho rằng số vàng đang tranh chấp là nữ trang chị T được tặng cho riêng vì trong lễ cưới cha mẹ anh Tài E nói là "*cho cô dâu*" và chị T trực tiếp mang trên người nên là tài sản riêng của chị T. Anh X trình bày là tài sản riêng của chị T nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Từ những căn cứ nêu trên, có cơ sở xác định toàn bộ số vàng đang tranh chấp là tài sản chung của anh Tài E và chị T. Sau khi anh Tài E và chị T ly hôn, chưa phân chia tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tài E, chia cho anh Tài E và chị T mỗi người ½ số vàng đang tranh chấp.

[2.4] Anh Tài E yêu cầu nhận ½ tài sản chung bằng giá trị. Tại bản tự khai ngày 21/3/2024, anh X trình bày: Do chị T không có công việc ổn định, không có thu nhập nên xin trả mỗi tháng 200.000 đồng. Xét thấy, chị T là người quản lý tài sản chung của vợ chồng nên khi anh Tài E có yêu cầu, chị T phải có trách nhiệm giao trả ngay mới là phù hợp. Do đó, buộc chị T có nghĩa vụ trả cho anh Tài E giá

trị ½ tài sản chung tương đương số tiền là 16.033.750 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí:

- Anh Trần Văn Tài E và chị Bùi Tuyết T có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, trên giá trị tài sản được chia.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều luật áp dụng:

- Khoản 1, 3 Điều 33; khoản 1 Điều 38; khoản 1, 2, 3 Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điều 5; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung sau xin ly hôn của anh Trần Văn Tài E.
- Chia cho anh Trần Văn Tài E và chị Bùi Tuyết T, mỗi người ½ tài sản chung, có giá trị tương đương số tiền 16.033.750 (*mười sáu triệu không trăm ba mươi ba nghìn*) đồng.
- Chị Bùi Tuyết T đang quản lý tài sản chung nên có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn Tài E số tiền 16.033.750 (*mười sáu triệu không trăm ba mươi ba nghìn*) đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

Đến hạn trả tiền, nếu chị Bùi Tuyết T không thực hiện việc trả tiền theo thời gian trên thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Anh Trần Văn Tài E có nghĩa vụ nộp 801.687 (*tám trăm lẽ một nghìn sáu trăm tám mươi bảy)* đồng, án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 700.000 (*bảy trăm nghìn*) đồng, theo biên lai số 0001598,ngày 26/02/2024, của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú Đông. Như vậy, anh Trần Văn Tài E còn phải nộp tiếp 101.687 (*một trăm lẽ một nghìn sáu trăm tám mươi bảy)* đồng, án phí sơ thẩm.

+ Chị Bùi Tuyết T có nghĩa vụ nộp 801.687 (*tám trăm lẽ một nghìn sáu trăm tám mươi bảy)* đồng, án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị đơn (hoặc đại diện theo ủy quyền của bị đơn), có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng nguyên đơn, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKS H.Tân Phú Đông;
- Chi cục THA DS H.Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI